

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng

Công trình: Cầu bến Bằng Lăng

Địa điểm xây dựng: xã Ân Tường Tây – Ân Hữu, huyện Hoài Ân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 11/03/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu bến Bằng Lăng;

Xét đề nghị của UBND huyện Hoài Ân tại Văn bản số 40/TTr-UBND ngày 29/3/2016 và đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 504/SGTVT-GT ngày 25/03/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng, với các nội dung chính như sau:

1. **Tên công trình:** Cầu bến Bằng Lăng.
2. **Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân.
3. **Đại diện Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án ĐT & XD huyện Hoài Ân.
4. **Đơn vị thiết kế:** Công ty TNHH TVXD Tấn Linh.
5. **Loại và cấp công trình:** Công trình cầu đường bộ, cấp IV.
6. **Địa điểm xây dựng:** xã Ân Tường Tây – Ân Hữu, huyện Hoài Ân.
7. **Quy mô xây dựng công trình**
 - a. **Phần cầu:**
 - Xây dựng cầu trần nhịp giản đơn, kết cấu bằng BTCT thường lắp ghép.
 - Tải trọng thiết kế: 0,65 HL93.
 - Khổ cầu nhịp thường: $B = 5 + 0,25 \times 2 = 5,5\text{m}$.
 - Khổ cầu nhịp tránh xe: $B = 6,5 + 0,25 \times 2 = 7,0\text{m}$ (03 nhịp giữa).
 - Chiều dài toàn cầu: $L = 156,56\text{m}$.

- Chiều dài nhịp: $L_n = 12,0\text{m}$ (gồm 13 nhịp).

*** Kết cấu chi tiết:**

- Phần hạ bộ:

+ Móng cọc đài cao, cọc móng, cọc trụ bằng BTCT 30Mpa (M350), đá 1x2. Mặt cắt ngang cọc 40x40cm, chiều dài cọc dự kiến 14m (chiều dài cọc chính thức xác định sau khi đóng cọc thử).

+ Mũ mũ, mũ trụ, bản vượt bằng BTCT 25Mpa (M300), đá 2x4.

+ Tường cánh, tường ngực bằng BTCT 25Mpa (M300), đá 2x4.

+ Chân khay 1/4 nón móng, trước móng bằng BT 16Mpa (M200) đá 4x6.

+ Mái taluy trước móng, nón móng đổ BT 25Mpa (M300) đá 2x4.

- Phần thượng bộ:

+ Dầm chủ cao 60cm, bề rộng sườn dầm 30cm, bằng BTCT 30Mpa (M350) đá 1x2. Hai dầm ngang đầu nhịp cao 60cm, sườn dầm rộng 20cm, bằng BTCT 30Mpa (M350) đá 1x2.

+ Bản mặt cầu dày 12cm, bằng BTCT 30Mpa (M350) đá 1x2.

+ Gối cầu cao su có bản thép.

+ Gờ chắn bánh bằng BTCT 25Mpa (M300) đá 1x2.

+ Lớp phủ mặt cầu bằng BTCT 25Mpa (M300) đá 0,5x1.

+ Khe co giãn mặt cầu bằng thép dạng ray.

b. Đường đầu cầu:

Xây dựng đường vào cầu theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (TCVN 4054-05).

- Tổng chiều dài tuyến: $L = 315,80\text{m}$.

- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5\text{m}$.

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$.

- Bề rộng lề đường: $B_l = 0,5 \times 2 = 1,0\text{m}$.

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$.

- Độ dốc ngang lề đường: $i_l = 4\%$.

- Mái taluy đào: $m = 1,0$.

- Mái taluy đắp: $m = 1,5$.

*** Kết cấu nền mặt đường:**

- Mặt đường bằng BTXM 20Mpa (M250) đá 2x4 dày 20cm.

- Lót lớp giấy dầu.

- Nền đường đắp đất CPĐ đầm chặt K95 (lớp sát móng dày 30cm đạt K98).

- Lề đường đắp bằng đất CPĐ đầm chặt K95.

*** Kết cấu mái taluy:** Chân khay, mái taluy bằng BTXM 16Mpa (M200), đá 2x4.

*** Công trình thoát nước:** Xây dựng mới 01 cầu bản $L_0 = 6,0\text{m}$ tại lý trình Km0 +45,05. Kết cấu bằng bê tông và BTCT đổ tại chỗ. Kết cấu như sau:

+ Bề rộng cầu $B = 6,0 + 0,25 \times 2 = 6,5\text{m}$.

- + Đáy móng gia cố cọc tre, $L_{cọc} = 2,5m$ (16cọc/1m2).
- + Móng cầu, thân cầu, gờ chắn đỡ BTCT 25Mpa (M300), đá 1x2.
- + Tường cánh, sân cầu đỡ BT 16Mpa (M200), đá 2x4.
- + Bản mặt cầu đỡ BT 30Mpa (M350), đá 1x2.
- + Bản giảm tải đỡ BT 25Mpa (M300), đá 2x4.

c. Công trình phụ trợ: Xây dựng hệ thống biển báo hiệu đường bộ trên toàn tuyến theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2012/BGTVT.

8. Giá trị dự toán:

15.341.518.000 đ

(Mười lăm tỷ, ba trăm bốn mươi một triệu, năm trăm mười tám ngàn đồng)

Trong đó:	Chi phí xây dựng:	12.241.865.000 đ
	Chi phí QLDA:	247.094.000 đ
	Chi phí tư vấn XD:	1.063.435.000 đ
	Chi khác:	549.793.000 đ
	Chi phí GPMB:	200.000.000 đ
	Chi phí dự phòng:	1.039.331.000 đ

9. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 75% tổng mức đầu tư; phần còn lại ngân sách huyện Hoài Ân.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2016 – 2018. (Khi được bố trí vốn theo đúng quy định hiện hành).

11. Tổ chức thực hiện: Theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Với nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu VT, K19, (M.14b) /



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng